

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn huyện Yên Thành (cũ) giai đoạn 2020-2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11657/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn huyện Yên Thành (cũ) giai đoạn 2020-2024.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn huyện Yên Thành (nay là các xã: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành, tỉnh Nghệ An) giai đoạn 2020-2024 như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Nghệ An; Chủ tịch UBND các xã: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành, tỉnh Nghệ An; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch (UBND tỉnh đề b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP TC UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CT UBND các xã: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành, tỉnh Nghệ An;
- Lưu VT, NN (9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN,
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

BỔ SUNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ: YÊN THÀNH, QUAN THÀNH, HỢP MINH, VÂN TỤ, VÂN DU, QUANG ĐỒNG, GIAI LẠC, BÌNH MINH, ĐÔNG THÀNH (HUYỆN YÊN THÀNH CŨ), TỈNH NGHỆ AN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 108 /2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Xã	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)					Ghi chú
			Đất trồng lúa nước	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng cây lâm nghiệp	Đất rừng	
1	Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành	1	45.000	45.000	45.000	45.000	6.000	
2	Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành	2	41.000	41.000	41.000	41.000	5.500	
3	Đất nông nghiệp gắn liền đất ở tại các xã trên		45.000					

